

HƯỚNG DẪN XEM DANH MỤC MÔN HỌC CẦN TÍCH LŨY CHO NGÀNH HỌC THỨ HAI

Sinh viên tra cứu danh mục môn học ngành thứ 2 tuần tự theo những bước hướng dẫn sau:

Bước 1: Sinh viên chọn ngành song bằng là ngành nào thì mở file có tên ngành đó để tra cứu.

Bước 2: Ví dụ thao tác cụ thể: bạn sinh viên Nguyễn Văn A – lớp K14406 muốn đăng ký song ngành 401 thì sinh viên mở file có tên K14401 để xem danh sách môn học.

Cách trình bày danh sách môn học như sau (hình vẽ đính bên dưới):

Cột 1: Mã số môn học

Cột 2: Tên môn học

Cột 3: Số tín chỉ

Cột 4 => Hết: Danh mục các môn học tương ứng từng cặp song ngành.

Cụ thể bạn Nguyễn Văn A là K14406, học song ngành với 401 thì xem danh mục môn ở cột “c401-406”. Trong đó, những môn đánh dấu “x” là môn đồng thời xuất hiện cả 2 ngành (SV học ở ngành 1 được chuyển điểm sang ngành 2 không cần học lại). Những **ô để trống** là những môn riêng của ngành 401 mà bạn Nguyễn Văn A phải tích lũy để được cấp bằng của ngành 401.

Do đó, bạn Nguyễn Văn A nếu muốn học song bằng trong HK2 này thì kiểm tra những môn có **ô để trống** (là môn riêng của ngành thứ 2) trong danh mục này đồng thời đối chiếu Thời khóa biểu của HK2 (15-16) để lựa chọn môn học song bằng mà bạn Nguyễn Văn A muốn học trong HK này. Hình ảnh cụ thể:

Mã ngành **trước dấu”_”** là mã ngành SV muốn học song bằng (cụ thể đây là bạn Nguyễn Văn A muốn học song bằng ngành thứ 2 là ngành 401 – Kinh tế học).

Mã ngành **sau dấu”_”** là mã ngành gốc của SV (cụ thể đây là bạn Nguyễn Văn A là sinh viên ngành 406 – Hệ thống thông tin).

Những **ô để trống** là môn là SV phải tích lũy thêm **riêng** cho ngành thứ 2.

Những **ô đánh dấu x** là môn chung của hai ngành. Sv học những môn này ở ngành 1 được chuyển điểm sang ngành thứ 2.

MSS	Tên môn	Số tín chỉ	c401_406	c401_407	c401_408	c401_409	c401_410	c401_411
GT01	Giáo dục thể chất 1	3	x	x	x	x	x	x
KT06	Kinh tế học vi mô	4		x	x	x	x	x
NL03	Những nguyên lý cơ bản của Mác-Lênin	5	x	x	x	x	x	x
PL01	Pháp luật đại cương	3	x	x	x	x	x	x
TO08	Toán cao cấp (5TC)	5	x	x	x	x	x	x
GT05	Nhập môn khoa học giao tiếp (2TC)	2	x	x	x	x	x	x
TL05	Tâm lý học đại cương (2TC)	2	x	x	x	x	x	x
GDQP	Học phần GDQP	5	x	x	x	x	x	x
GT02	Giáo dục	2	x	x	x	x	x	x
KK01	Nguyên lý	3	x	x	x	x	x	x
KT08	Kinh tế vĩ mô	4		x	x	x	x	x
QT01	Quản trị	3	x	x	x	x	x	x
TO07	Lý thuyết xác suất (2TC)	2	x	x	x	x	x	x
DL04	Địa chính trị thế giới (2TC)	2	x	x	x	x	x	x
LG01	Logic học	3	x	x	x	x	x	x
QH04	Quan hệ quốc tế (2TC)	2	x	x	x	x	x	x
TH06	Tin học ứng dụng	3	x	x	x	x	x	x
DL01	Đường lối	3	x	x	x	x	x	x
LS01	Lịch sử	3	x	x	x	x	x	x
LU01	Luật kinh tế	3	x	x	x	x	x	x
TC10	Lý thuyết	3	x	x	x	x	x	x
TK04	Thống kê	3	x	x	x	x	x	x
DL02	Địa lý kinh tế	3						
KN03	Kỹ năng làm việc theo nhóm (2TC)	2	x	x	x	x	x	x

Bước 3: Đối với loại môn học tự chọn thì các bạn tra cứu thêm **Chương trình đào tạo** của ngành đó để lựa chọn môn học tự chọn đúng tín chỉ yêu cầu (trong danh mục trên, **ô để trống** bao gồm tất cả môn tự chọn và bắt buộc khác nhau cả 2 chuyên ngành. Do đó, có thể dư tín chỉ trong những nhóm môn tự chọn => các bạn sinh viên tra cứu thêm Chương trình đào tạo để chọn lựa lại môn học đăng ký).